

Đơn vị: Trung tâm y tế An Khê
Chương: 423

Mẫu biểu số 75

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
(09 tháng năm 2026)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trung tâm Y tế An Khê công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng năm 2026 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2026	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện 9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu KCB được để lại	42.000	28.165	67	97,98
1	- Thu KCB Bảo hiểm y tế	34.000	23.859	70	103
2	- Thu người bệnh không thẻ BHYT	8.000	4.306	54	95
II	Chi từ nguồn thu KCB được để lại				
1	Chi sự nghiệp y tế (KCB)				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	42.000	33.674	80	113
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	11.358,00	8.489,15	75	73
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	499,55	495,15	99,12	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	499,55	495,15	99,12	
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	10.858,45	7.994,00	73,6	73
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	10.476,45	7.912,64	75,5	73
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	382,00	81,36	21,3	
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				